TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46**/2017/DS-ST
Ngày: 06-10-2017
V/v bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hoàng Khương

2. Ông Danh Thi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận *tham gia phiên tòa*: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/9/2017 và ngày 06/10/2017, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2016/TLST-DS ngày 02 tháng 06 năm 2016 về "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2017/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp B, xã V, huyện T, tỉnh K; có mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Văn B, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp B, xã V, huyện T, tỉnh K; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Luật sư Nguyễn Việt B, văn phòng luật sư Việt Bắc, đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ UBND xã V, huyện T, tỉnh K; địa chỉ: ấp B, xã V, huyện T, tỉnh K; vắng

mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1982 (vợ ông N); có mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965 (vợ ông B); có mặt.

Cùng địa chỉ ấp B, xã V, huyện T, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2016, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn N trình bày: Vào ngày 30/4/2016 ông B có đào bờ đặt bọng trên phần đất của ông đang nuôi tôm để xả nước ra sông. Theo đó làm một số tôm trong vuông ông đi ra sông, một số thì chết. Do đó ông yêu cầu ông Bảy bồi thường tiền tôm giống cho ông số tiền là 8.850.000đ. Đến ngày 20/9/2016 ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông B bồi thường số tiền tôm giống được thả vào ngày 27/4/2016 là 4.850.000đ. Về việc ông B cho rằng vào ngày 01/5/2016 ông có chặt của ông B 30 bụi lá, ông B yêu cầu ông bồi thường số tiền 3.000.000đ, ông không đồng ý với lý do lá này được trồng trên đất ông sử dụng và ông chỉ chặt có 20 tàu, không phải là 30 bụi như ông B trình bày. Tại phiên tòa, ông thống nhất bồi thường cho ông B giá trị mỗi tàu lá là 4.000 đồng x 20 tàu là 80.000 đồng.

Tại đơn phản tố đề ngày 9/8/2016, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Văn B trình bày: Vào ngày 1/5/2016 ông N có chặt phá lá của ông 30 bụi lá. Nay ông yêu cầu ông N bồi thường cho ông số tiền 3.000.000đ. Đối với việc ông N cho rằng ông đào bờ đặt bọng xả nước trong vuông ông N ra sông làm tôm ông N bị thiệt hại và ông N yêu cầu ông bồi thường số tiền 4.850.000đ, ông không đồng ý bồi thường với lý do ngày ông đào bờ đặt bọng xả nước ra sông thì vuông ông N không có tôm. Căn cứ mà ông cho rằng không có tôm là vì từ ngày 22/4 đến ngày 28/4/2016 ông N dùng rôbe làm bờ mới lại nên không có việc ông B thả tôm vào ngày 27/4/2016. Tại phiên tòa, ông B xin rút một phần yêu cầu phản tố, chỉ yêu cầu ông N bồi thường giá trị 390 tàu lá, mỗi tàu lá giá trị 4.000 đồng là 1.560.000 đồng.

Tại các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K (vợ ông N) trình bày: Thống nhất lời trình bày của

ông N không bổ sung gì thêm.

Tại các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P (vợ ông B) trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông B không bổ sung gì thêm.

Kết quả thu thập chứng cứ:

+ Những người hiểu biết gồm ông Trương Văn Q, ông Bùi Văn M (em ruột ông B), ông Nguyễn Văn T (anh vợ ông B), ông Đặng Văn T xác định vào ngày 1/5/2016 thì có nhìn thấy lá của ông B bị chặt, số lượng bao nhiêu thì không xác định được.

+ Người hiểu biết anh Huỳnh Hoàng H xác định vào ngày 27/4/2016 ông N có mua của ông 50.000 con tôm thẻ (tôm con) với giá 97đ/con bằng 4.850.000đ. Còn việc ông N mua tôm về thả ở đâu và làm gì ông không biết.

+ Những người hiểu biết gồm anh Nguyễn Tấn Đ, anh Ngô Văn T, anh Nguyễn Bé H xác định vào ngày 20/4/2016 al có nhìn thấy xáng cuốc đang làm bờ mới lại cho anh N.

+ Qua biên bản sự việc đề ngày 01/5/2016 về việc ngang nhiên xã vuông tôm người khác. Tòa án có tiến hành xác minh đối với ông Nguyễn Văn Th và Nguyễn Minh T công an viên ấp. Ông T, ông Th xác định sau khi nghe tin báo của ông N về việc ông B đào bờ xả nước trong vuông ông N ra sông thì ông T, ông Th có đến lập biên bản và khi đó có nhìn thấy nước trong vuông ông N đang chảy ra sông cũng gần cạn. Trong vuông có tôm không thì ông T, ông Th không xác định được.

+ Qua biên bản "về việc vận động gia đình ông Bùi Văn B" đề ngày 02/5/2016. Tòa án có tiến hành xác minh đối với ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Văn Th - Công an viên ấp. Sau khi có sự việc ông N chặt lá của gia đình ông B thì ở ấp có cử ông Th và ông T xuống để vận động gia đình gia đình ông B kiềm chế. Khi xuống thì ông B có trình bày là ông N chặt lá của ông, khi đó ông Th có ra hiện trường để xem thì thấy lá bị chặt bỏ khoảng 04 bụi.

+ UBND xã V xác định (bút lục 172): Theo hồ sơ quản lý của cấp xã phần đất có tài sản đang tranh chấp có sơ đồ, vị trí, giáp ranh thuộc quỹ đất công

do UBND xã V quản lý. Phần đất này do ông Bùi Văn B sử dụng được UBND huyện T cưỡng chế năm 2002, sau đó ông Bùi Văn B tái chiếm sử dụng cho đến nay. Hiện nay đoàn kiểm tra quỹ đất của huyện đã xác minh xong, xã đã đề nghị UBND huyện T giao đất cho người dân quản lý nhưng chưa có ý kiến chỉ đạo. Việc sử dụng đất của ông N, ông B do tự bao chiếm để sữ dụng, tài sản của các bên trên đất do 02 hộ tự bao chiếm đất sản xuất nuôi trồng thủy sản chưa có sự cho phép của UBND xã.

Các bên tranh chấp với nhau về bồi thường tài sản trên đất thuộc quỹ đất công ích của xã, UBND xã V đề nghị sau:

Về đất: Giữ nguyên hiện trạng ban đầu khi 02 hộ bao chiếm sử dụng chờ ý kiến chỉ đạo của UBND huyện T.

Về tài sản trên đất: bên nào gây thiệt hại tài sản trên đất của bên kia thì bên đó phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản trên đất đó cho người bị thiệt hại theo quy định về mức thiệt hại thực tế đã được xác định cụ thể.

+ Phần đất ông Trần Văn Nhì bị thiệt hại có diện tích là 4726m^2 tọa lạc tại ấp ấp B, xã V, huyện T, tỉnh K. Trong phần đất bị thiệt hại này có diện tích đất là 2.580,4m^2 là đất do Nhà nước quản lý, ông N chiếm sử dụng.

Luật sư Nguyễn Việt B bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Bùi Văn B phát biểu: Ông N yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh thiệt hại vì vậy đề nghị HĐXX bác yêu cầu của ông N. Đối với yêu cầu phản tố của ông B do phía ông N thừa nhận đã chặt lá của ông B nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng ngoài việc để vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử, các vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N về việc yêu cầu ông B bồi thường thiệt hại số tiền là 4.850.000 đồng, lý do ông N không có chứng cứ gì để chứng minh thiệt hại theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông B đối với N số tiền là 80.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

UBND xã V có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt UBND xã V.

Nguyên đơn ông Trần Văn N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 4.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu này là tự nguyện nên căn cứ Điều 214 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu này của ông N.

Tại phiên tòa, ông B xin rút một phần yêu cầu phản tố với số tiền là 1.440.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu này là tự nguyện nên căn cứ Điều 214 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu này của ông B.

[2] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất: Hai bên thống nhất đều đang sử dụng phần đất của Nhà nước và yêu cầu bồi thường thiệt hại trên đất của Nhà nước.

[3] Xét yêu cầu của ông N thấy rằng: ông N cho rằng đã mua 50.000 con tôm giá 4.850.000 đồng để thả xuống vuông và bị chết do ông B có hành vi xả nước trong vuông đang nuôi tôm của ông. Ông B thừa nhận ngày 30/4/2016, ông có hành vi đặt ống bọng để xả nước trong phần đất của ông N.Tuy nhiên, về thiệt hại: Ông N không chứng minh được thiệt hại. Hơn nữa, khi chính quyền địa phương lập biên bản không thấy trực tiếp thiệt hại là số lượng tôm bị chết như ông N trình bày mà chỉ lập biên bản theo lời trình bày lại sự việc của ông N chứ thật sự trong vuông ông N có tôm hay không và có bao nhiêu các ông cũng không xác định được. Ông Huỳnh Hoàng H xác định ông N có mua số lượng tôm với giá đúng như ông N trình bày nhưng việc ông Nhcó thả xuống vuông tôm này không thì ông không biết.Vì vậy, mặc dù ông B có hành vi xả nước trong vuông của ông N nhưng việc ông N cho rằng có thiệt hại nhưng không chứng minh được là bao nhiêu nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường theo quy định tại Điều 604 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Đồng theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh của đương sự khi yêu cầu thì phải có căn

cứ nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông N đối với ông B.

[4] Xét yêu cầu phản tố của ông B thấy rằng: Ông B cho rằng ông N có hành vi chặt 30 bụi lá dừa nước của ông bằng 390 tàu lá, mỗi tàu giá 4.000 đồng bằng 1.560.000 đồng. Ông B đưa ra chứng cứ là có các người làm chứng gồm ông Trương Văn Q, ông Bùi Văn M (em ruột ông B), ông Nguyễn Văn T (anh vợ ông B), ông Đặng Văn T. Qua xác minh các người làm chứng này cũng không xác định được ông N chặt bao nhiêu tàu lá của ông B. Ngoài ra, khi chính quyền địa phương là ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Minh T có mặt tại hiện trường khi ông N chặt lá của ông B vào thời điểm đó xác định ông N chỉ chặt của ông B khoảng 04 bụi lá. Tại phiên tòa, ông N thừa nhận có chặt lá của ông B là 20 tàu lá và thống nhất bồi thường giá trị mỗi tàu lá là 4.000 đồng tương đương 80.000 đồng. Tại phiên tòa, các người hiểu biết đồng thời là dân ở địa phương xác định bình quân mỗi bụi lá khoảng từ 04 đến 06 tàu lá. Thấy rằng việc tự nguyện bồi thường của ông N phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời trình bày của các người làm chứng nên HĐXX ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Ông N phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 4.850.000 đồng x 5% = 242.500 đồng và phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành số tiền 80.000 đồng (giá trị dưới 4.000.000 đồng) là 200.000 đồng. Tổng cộng 442.500 đồng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng số 0003943 ngày 01/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận số tiền là 221.000 đồng. Ông N còn phải nộp thêm 221.500 đồng.

Ông B phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận đối với số tiền 1.480.000 đồng (giá trị dưới 4.000.000 đồng) là 200.000 đồng được khấu trừ vào biên lai thu số 0004057 ngày 18/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận số tiền là 200.000 đồng. Ông B không phải nộp thêm.

[6] Chi phí đo vẽ là 2.041.000đ. Căn cứ Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nguyên đơn ông N chịu và đã nộp xong.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 147, 157, 227, 244, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 604, 608 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 5, 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

1- Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Trần Văn N đối với ông Bùi Văn B với số tiền là 4.850.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trần Văn N buộc ông Bùi Văn B bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 4.000.000 đồng.

2- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Bùi Văn B yêu cầu ông Trần Văn N bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 80.000 đồng.

Buộc ông Trần Văn N có nghĩa vụ bồi thường cho ông Bùi Văn B số tiền là 80.000 đồng.

Kể từ ngày ông B có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông N không trả thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Bùi Văn B yêu cầu ông Trần Văn N bồi thường số tiền là 1.440.000 đồng.

3- Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông N phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 242.500 đồng và phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành là 200.000 đồng. Tổng cộng án phí là 442.500 đồng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng số 0003943 ngày 01/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận số tiền là 221.000 đồng. Ông N còn phải nộp thêm 221.500 đồng.

+ Ông B phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận đối với số tiền 1.480.000 đồng (giá trị dưới 4.000.000 đồng) là 200.000 đồng được khấu trừ vào biên lai thu số 0004057 ngày 18/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận số tiền là 200.000 đồng. Ông B không phải nộp thêm.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.041.000đ. Nguyên đơn ông N chịu và đã nộp xong.

4- Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Diễm